

Bản án số: 10/2021/HS-ST
Ngày: 10 - 03 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ổn; ông Bùi Văn Thiệu

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Bùi Văn Hường - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà:*** Ông Khuất Duy Xuân Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 10/03/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Văn C, sinh ngày 08/11/1987 tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình;

Nơi ĐKKHKT: xóm Nhụn, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình;
Dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Bố đẻ: Bùi Văn Sứng, sinh năm 1934 (Đã chết). Mẹ đẻ: Bùi Thị Linh, sinh năm 1956. Trú tại: xóm Nhụn, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Bị can là con thứ năm trong gia đình có 06 anh, chị, em. Vợ: Bùi Thị Tư, sinh năm 1986, nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trú tại: xóm Nhụn, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Con: Bùi Đức Mạnh; Sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2020 được trích xuất và hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn C: Ông Vũ Đình Hùng - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý số 4 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: hộ Ông Bùi Văn Cht. Trú tại: xóm Nhụn, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; do Ông Bùi Văn Ch, sinh năm 1971 làm đại diện. Có mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: anh Bùi Văn Phan, sinh năm 1972; Trú tại: xóm Trắng Đồi, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 15 phút ngày 07/10/2020, Bùi Văn C, sinh năm 1987, trú tại xóm Nhùn, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đi xe mô tô biển kiểm soát 28S2-3607 (là xe mượn của anh Bùi Văn Phan, sinh năm 1972; Trú tại: xóm Trắng Đồi, xã Yên Phú) đến nhà ông Bùi Văn Chốt, sinh năm 1971, trú tại xóm Nhùn, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thấy gia đình ông Chốt không có ai ở nhà trông coi tài sản, cửa sổ mở không khóa, C liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. C đi đến gầm nhà sàn ông Chốt lấy 01 chiếc tô vít cán nhựa màu đỏ, thân kim loại màu đen hình trụ tròn, đầu dẹt hai cạnh dài khoảng 20cm để ở trên bàn trong gầm nhà sàn, đi theo lối cầu thang rồi trèo qua cửa sổ để vào bên trong nhà nhằm trộm cắp tài sản. Do có mối quan hệ thân quen với gia đình ông Chốt nên C biết vị trí của két sắt để ở đâu. Đến chỗ két sắt ở cuối nhà sát tường gần cửa sổ, C ngồi xôm lấy tô vít chọc vào khe góc dưới của két sắt rồi bẩy ra. Sau khi bẩy hai lần, thấy cửa két sắt hé mở, C tiếp tục lấy tô vít chọc vào khe trên của két sắt bẩy tiếp từ hai đến ba lần. Thấy cửa két sắt mở rộng hơn, C lấy tô vít chọc vào khe trên cùng của két để bẩy và mở được toàn bộ két. C lấy được tiền sau đó dùng chân đẩy nhẹ cho cửa két đóng lại. Sau đó C cho tiền vào túi quần và men theo bờ cửa sổ đi xuống cầu thang, mở khóa xe máy và rời khỏi hiện trường. Ra đến khu cây đa ở xóm Nhùn, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình C ném tô vít xuống bờ suối và đi tiếp ra hồ Cánh Tạng. Đến địa phận hồ Cánh Tạng C bỏ ra đếm được tổng số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*), loại tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*). Lấy được tiền C trả nợ, cho vay và tiêu xài cá nhân hết 20.000.000đ, còn lại 40.000.000đ.

Đến 16 giờ 30 phút ngày 07/10/2020, Bùi Văn C đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời, giao nộp số tài sản đã trộm cắp còn lại là 40.000.000đ và xe mô tô biển kiểm soát 28S2-3607 là phương tiện Bùi Văn C sử dụng để đi trộm cắp.

Tại bản kết luận giám định số 324/KLGD-CAT-PC09 ngày 01/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình xác định: *80 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) gửi giám định là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.*

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 38 ngày 24/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: *Thiệt hại về tài sản đối với 01 (một) chiếc két nhãn hiệu VIET TIEP có kích thước 760x435x330, két cũ đã qua sử dụng, tại thời điểm bị xâm phạm là 0đ (không đồng).*

Giá trị tài sản Bùi Văn C chiếm đoạt là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

- Đối với các vật chứng gồm:

- Số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), toàn bộ số tiền đều mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) Bùi Văn C giao nộp là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bùi Văn Chốt; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Angel, màu xanh, BKS 28S2-3607 xe cũ đã qua sử dụng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Bùi Văn Phan. Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu bảo quản theo quy định.

- Đối với 01 (một) chiếc tô vít mà Bùi Văn C sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra chưa thu giữ được, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Lạc Sơn đã ra thông báo truy tìm vật chứng, khi nào tìm được sẽ xử lý theo quy định.

Đối với Chu Hồng Quân, sinh năm 1982, trú tại phố Hữu Nghị, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, là người được Bùi Văn C trả số tiền 13.000.000 đồng (*mười ba triệu đồng*) mà C đã vay từ trước. Bản thân anh Quân không biết số tiền do C phạm tội mà có, do đó không đề cập xử lý.

Đối với Bùi Thị Hoàn, sinh năm 1971, trú tại xóm Húng, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, là người được Bùi Văn C cho vay 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) bản thân Hoàn không biết số tiền do C phạm tội mà có, do đó không đề cập xử lý.

Người bị hại là ông Bùi Văn Chốt đã được nhận lại tài sản là số tiền 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*) là số tiền Bùi Văn C giao nộp cho Cơ quan điều tra và được Bùi Văn C cùng gia đình bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) và không có yêu cầu đề nghị gì khác nên không đề cập.

Đối với chiếc kết đọng tiền bị C cạy phá làm hư hỏng và chiếc tô vít của gia đình mà C dùng làm công cụ cạy phá kết sau đó đem vứt, ông Bùi Văn Chốt không yêu cầu bồi thường.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 24/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn C về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi vị đại diện Viện Kiểm sát công bố bản luận tội. Nội dung bản luận tội đã phân tích tính chất, mức độ, nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Bùi Văn C từ 24 đến 30 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 BLHS đối với bị cáo do không có tính khả thi.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị không xem xét.

Đối với Chu Hồng Quân là người được Bùi Văn C trả số tiền 13.000.000 đồng (*mười ba triệu đồng*) mà C đã vay từ trước. Bản thân anh Quân không biết số tiền do C phạm tội mà có nên đề nghị HĐXX không đề cập xử lý trong vụ án.

Đối với Bùi Thị Hoàn là người được Bùi Văn C cho vay 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) bản thân Hoàn không biết số tiền do C phạm tội mà có nên đề nghị HĐXX không đề cập xử lý trong vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo 24 tháng tù. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo ra đầu thú, bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả mà bị cáo gây ra nên khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố, nội dung bản luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Viện Kiểm sát, không bổ sung quan điểm bào chữa. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về hòa nhập với cộng đồng.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả thẩm vấn và tranh tụng công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ được

thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 07 giờ 15 phút ngày 07/10/2020, Bùi Văn C đã trộm cắp tài sản là tiền mặt với số tiền 60.000.000đ của gia đình ông Bùi Văn Chốt. Bùi Văn C là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của Bùi Văn C phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn truy tố bị cáo Bùi Văn C về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, không những gây thiệt hại về tài sản mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi của mình gây ra.

[4]. Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

[5]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Xét về nhân thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, sinh ra và lớn lên làm ăn tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không chịu tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã bất chấp pháp luật, đi vào con đường phạm tội. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự hối hận về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả mà bị cáo gây ra; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo; bị cáo ra đầu thú nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6]. Về mức hình phạt: HĐXX xét thấy bị cáo có nhân thân xấu (nghiện ma túy) nên cần phải áp dụng một hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để dẫn dắt giáo dục đối với bị cáo. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8]. Trong vụ án này, anh Chu Hồng Quân và chị Bùi Thị Hoàn là đã được bị cáo trả nợ và cho vay tiền. Do anh Quân và chị Hoàn không biết nguồn gốc số tiền trả nợ và cho vay là do C trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Tại

phiên tòa cũng cần nhắc nhở rút kinh nghiệm chung trong công tác phòng chống tội phạm.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Angel, màu xanh, BKS 28S2-3607 xe cũ đã qua sử dụng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Bùi Văn Phan. Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu bảo quản theo quy định. Sau khi nhận lại tài sản, anh Phan không có ý kiến gì và việc xử lý vật chứng nêu trên của cơ quan điều tra đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc két đựng tiền bị C cạy phá làm hư hỏng và chiếc tô vít của gia đình ông Chốt mà C dùng làm công cụ cạy phá két sau đó đem vứt, ông Bùi Văn Chốt không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[11]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12]. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Về tội danh: tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Bùi Văn C 24(hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về dân sự: không đề cập giải quyết.

4. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/NQ-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo Bùi Văn C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Chi cục thi hành án huyện Lạc Sơn;
- Sở tư pháp;
- UBND xã Yên Phú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ + án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định “Án phí do người bị kết án hoặc Nhà nước chịu theo quy định của pháp luật. Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án. Mức án phí và căn cứ áp dụng được ghi rõ trong bản án, quyết định của Tòa án”. Các quy định khác của Bộ luật tố tụng hình sự đều không quy định “trừ trường hợp được miễn, giảm án phí hình sự”.

Ngoài ra, khi quy định về án phí hình sự (hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm) thì Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quy định các trường hợp phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mà không quy định “trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm”.

Như vậy, đối với án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm thì người bị kết án không được miễn, kể cả khi có đơn đề nghị và thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 (Trẻ em; cá nhân thuộc hộ

nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1. Bùi Văn Ôn 2. Bùi Văn Thiệu Nguyễn Thị Thanh Hoa

khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định “Án phí do người bị kết án hoặc Nhà nước chịu theo quy định của pháp luật. Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án. Mức án phí và căn cứ áp dụng được ghi rõ trong bản án, quyết định của Tòa án”. Các quy định khác của Bộ luật tố tụng hình sự đều không quy định “trừ trường hợp được miễn, giảm án phí hình sự”.

Ngoài ra, khi quy định về án phí hình sự (hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm) thì Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quy định các trường hợp phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mà không quy định “trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm”.

Như vậy, đối với án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm thì người bị kết án không được miễn, kể cả khi có đơn đề nghị và thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 (Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ).

